

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 64/2010/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành
Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại phương tiện vận tải
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 69/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành mức thuế tuyệt đối thuế nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 80/2008/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 68/2010/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 71/2010/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn ấn định thuế đối với cơ sở kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy ghi giá bán xe ô tô, xe hai bánh gắn máy trên hóa đơn giao cho người tiêu dùng thấp hơn giá giao dịch thông thường trên thị trường;

Xét đề nghị của Cục Thuế thành phố tại Tờ trình số 03/CT-THNVDT ngày 25 tháng 02 năm 2011, Tờ trình số 05/CT-THNVDT ngày 22 tháng 3 năm 2011 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 916/STP-VB ngày 09 tháng 3 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 2 Quyết định số 64/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại phương tiện vận tải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

“Điều 2. Giá trị phương tiện vận tải tính lệ phí trước bạ được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 68/2010/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ.

Trong một số trường hợp áp dụng giá tính lệ phí trước bạ theo quy định sau đây:

1. Phương tiện vận tải nhập khẩu kê khai lệ phí trước bạ lần đầu tại Việt Nam, giá tính lệ phí trước bạ được xác định bằng (=) giá nhập khẩu tại cửa khẩu (CIF), cộng (+) thuế nhập khẩu, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (không phân biệt đối tượng phải nộp hay được miễn nộp thuế), nhưng không thấp hơn giá tính lệ phí trước bạ theo bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này hoặc giá tính lệ phí trước bạ tài sản tương ứng theo bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này (trong trường hợp tài sản chưa có quy định giá).

a) Giá CIF được xác định bằng giá CIF do cơ quan Hải quan tính thuế nhập khẩu.

b) Thuế nhập khẩu được xác định theo chế độ quy định đối với loại tài sản tương ứng.

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng theo chế độ quy định đối với loại tài sản tương ứng.

2. Riêng xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng được phép

nhập khẩu kê khai lệ phí trước bạ lần đầu tại Việt Nam tính bằng 85% xe mới cùng loại nhập khẩu kê khai lệ phí trước bạ lần đầu tại Việt Nam theo hướng dẫn tại tiết b, điểm 3.6, khoản 3, Điều 6 Thông tư số 68/2010/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính. Trường hợp chưa quy định giá tính lệ phí trước bạ tài sản mới đối với tài sản đó, thì giá tính lệ phí trước bạ xác định theo giá thị trường tài sản mới của loại tài sản tương ứng, hoặc xác định theo khoản 1, Điều 2 Quyết định này”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định số 64/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố không được đề cập tại Quyết định này, vẫn giữ nguyên và có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng